TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2018/QĐST-DS	*B, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 127/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Minh C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết A thừa nhận có nợ và đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Minh C số tiền là 25.400.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó số tiền vay vốn là 23.900.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng. Việc trả nợ được thực hiện theo thời gian như sau:

Ngày 15/9/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngày 15/10/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngày 15/11/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngày 15/12/2018 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngày 15/01/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngày 15/02/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngày 15/3/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngày 15/4/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngày 15/5/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/6/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/7/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/8/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/9/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/10/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/11/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/12/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/01/2020 bà Nguyễn Thị Tuyết A trả cho ông Đỗ Minh C số tiền

1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết A vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì ông Đỗ Minh C được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành việc trả nợ toàn bộ số tiền nợ còn lại kể cả các khoản chưa đến hạn trả theo thỏa thuận.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: số tiền 635.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 317.500 đồng (ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Đỗ Minh C có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 317.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 824.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017847 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Đỗ Minh C 506.500 đồng (năm trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền đã nêu trong quyết định chưa được thi hành sẽ được tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Linh